

Bản án số: 11/2020/HS-PT

Ngày: 14/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dần

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 406/2019/TLHS-PT ngày 10/12/2019, đối với bị cáo Phạm Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân T (Tên gọi khác: B) - Sinh ngày 26/4/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T1 và bà Phạm Thị T2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 30/5/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2014 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2019 đến ngày 05/9/2019 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T là người sử dụng ma túy đá, loại Methamphetamine. Vào ngày 23/01/2019, một người bạn của T tên là Đ, ở thành phố B, cùng đi với Đ có một người nam giới là bạn của Đ (Hiện nay hai người chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến huyện E chơi, thì gặp T. Sau đó, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 47P1-150.xx chở Đ và bạn của Đ đi chơi, rồi cả ba người đi vào một lán dừa ở ven đường, tại xã L, huyện E, tại đây Đ, T và bạn của Đ cùng nhau sử dụng ma túy đá của Đ, dụng cụ sử dụng ma túy là của Đ. Sau khi sử dụng ma túy xong, Đ nói với T “Mình có ít đồ bạn có dùng không mình để lại cho” nên T đồng ý mua ma túy, với số tiền 2.000.000 đồng mục đích T mua ma túy để sử dụng. Đ đưa cho T 01 gói ny lon trong suốt, bên trong gói ny lon có 07 gói nhựa màu xanh được hàn kín xung quanh, có kích thước khác nhau, bên trong 07 gói nhựa đều có chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 01 nắp chai nhựa màu xanh, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, gắn 01 đoạn ống trong suốt bằng thủy tinh, dài 14,5cm, 01 đầu thủy tinh uốn cong có khối cầu khuyết một lỗ tròn, lỗ tròn còn lại gắn 01 ống nhựa màu tím dài 18cm, T biết đó là ma túy. Sau đó, T chở Đ và bạn của Đ ra bến xe huyện E để Đ và bạn của Đ về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47P1-150.xx đi trên tuyến đường A, thị trấn E và có vi phạm luật giao thông đường bộ, thì bị Tổ tuần tra đội giao thông Công an huyện E yêu cầu T xuất trình giấy tờ liên quan để kiểm tra, nhưng T không chấp hành mà bỏ đi để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 47P1-150.xx thì bị tổ tuần tra đội giao thông Công an huyện E kiểm tra và phát hiện trong cốp xe của T có 07 gói nhựa màu xanh được hàn kín xung quanh, có kích thước khác nhau, bên trong 07 gói nhựa đều có chất rắn màu trắng, dạng tinh thể và 01 nắp chai nhựa màu xanh, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, gắn 01 đoạn ống trong suốt bằng thủy tinh dài 14,5cm, 01 đầu thủy tinh uốn cong có khối cầu khuyết 01 lỗ tròn, lỗ tròn còn lại gắn 01 ống nhựa màu tím dài 18cm. Tổ tuần tra giao thông Công an huyện E lập biên bản và tạm giữ tang vật, phương tiện, sau đó bàn giao vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E. Đến ngày 07/6/2019, T ra đầu thú.

Tại Kết luận giám định số: 111/GĐMT-PC09, ngày 13/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể đựng trong 07 ống nhựa màu xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,1828 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 02 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/6/2019 đến ngày 05/9/2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/11/2019 bị cáo Phạm Xuân T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Xuân T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 02 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị Phạm Xuân T là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 23/01/2019, Phạm Xuân T mua của đối tượng tên Đ số lượng ma túy với giá 2.000.000 đồng và cất giấu trong cốp xe mô tô

nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 47P1-150.xx, để sử dụng dân. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, Phạm Xuân T đang điều khiển chiếc xe mô tô đi trên đường A, thị trấn E thì bị tổ tuần tra đội giao thông Công an huyện E kiểm tra, phát hiện và thu giữ trong cốp xe mô tô của T có 07 gói nhựa màu xanh được hàn kín xung quanh, có kích thước khác nhau, bên trong 07 gói nhựa đều có chất rắn màu trắng, qua giám định xác định chất rắn màu trắng đã thu giữ của bị cáo là ma túy, có khối lượng là 1,1828 gam, loại Methamphetamine. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho xã hội, hành vi này là nguyên nhân gây tổn hại cho sức khỏe con người, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội; bị cáo có nhân thân xấu từng bị kết án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt và mới đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét thấy, mức hình phạt 02 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt, là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T (tên gọi khác: B) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân T (tên gọi khác: B) 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2019 đến ngày 05/9/2019.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THA DS huyện E;
- Cơ quan THA HS Công an huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Bình